

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/DS-ST
Ngày 05-5-2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và tiền hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Hữu Đoàn;
Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 335/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tiền hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Bà Diệp Hồng S, sinh ngày 01/01/1966.

2. Ông Trần Vi S1, sinh ngày 01/01/1960.

Cùng nơi cư trú: Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: 1. Bà Dương Thị L, sinh năm: 1963.

2. Ông Dương Văn N, sinh năm: 1954.

Cùng nơi cư trú: Ấp I, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Ông S1, bà S, bà L có mặt, ông N vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2024 và tại phiên tòa bà Đoàn Hồng S2, ông Trần Vi S1 trình bày:

Vào ngày 20/07/2020 (âm lịch), vợ chồng bà có mở dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 30 chung, bà Dương Thị L1 tham gia 02 chung, bà L đã hốt hụi và đóng

đến tháng 8/2022 (âm lịch), từ tháng 9/2022 (âm lịch) đến khi mãn hạn là 04 tháng nhưng bà L không đóng hạn chết cho vợ chồng bà. Như vậy đây hạn này bà L còn nợ vợ chồng bà số tiền là 04 tháng x 02 chung = 8.000.000 đồng.

Vào ngày 29/11/2019 (âm lịch), ông Dương Văn N và bà Dương Thị L mở một sổ đây hạn, vợ chồng bà tham gia đây hạn loại hạn 4.000.000 đồng, gồm 25 hạn viên, tham gia 01 chân, đã đóng hạn từ ngày 29/11/2019 đến tháng 12/2020 là 15 tháng (vì năm 2021 lịch có nhuận 02 tháng 4). Bà L đình hạn, chốt hạn xác định nợ mỗi chung là 60.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà S2, ông S1 đồng ý trừ tiền còn 2.000.000 đồng và yêu cầu bà L, ông N trả số tiền hạn là 58.000.000 đồng.

Ngoài ra vợ chồng bà có cho bà Dương Thị L vay 02 lần với số tiền là 60.000.000 đồng, bà L có làm biên nhận vào ngày 10/09/2022 (âm lịch). Tại phiên tòa bà S2, ông S1 đồng ý cho bà L, ông N số tiền 5.000.000 đồng và yêu cầu bà L, ông N trả số tiền vay là 55.000.000 đồng.

Như vậy tổng cộng bà Dương Thị L và ông Dương Văn N nợ vợ chồng bà số tiền hạn và tiền vay là 121.000.000 đồng. Do đó, bà S2 và ông S1 yêu cầu ông N và bà L có nghĩa vụ trả số tiền 121.000.000 đồng.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/3/2025 và tại phiên tòa, bị đơn bà Dương Thị L trình bày: Bà có tham gia hạn của bà S2, ông S1 làm chủ 02 đây nhưng lâu quá không nhớ bao nhiêu chung, hạn này đã mãn từ lâu và bà S2 đã gom tiền hạn xong nên bà không còn nợ tiền hạn của bà S2, ông S1.

Đối với hạn do bà làm chủ thì bà S2 có tham gia đây hạn mở ngày 29/11/2019 âm lịch trong danh sách ghi là S1 là tên chồng của bà S2, đóng được 15 lần thì đình hạn. Bà có chốt số tiền hạn còn thiếu của bà S2 là 15 lần bằng số tiền 58.000.000 đồng. Hạn này mỗi tháng kêu từ 2.000.000 đồng trở lên, đóng tiền hạn từ 2.000.000 đồng đến dưới 2.000.000 đồng nên yêu cầu được trả bằng tiền vốn và trả hàng tháng.

Đối với số tiền vay: Vào năm 2019 nhưng không nhớ tháng mấy bà có vay của bà S2 số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 10%, bà đã đóng lãi hàng tháng là 4.000.000 đồng cho bà S2 và đóng được khoảng 01 năm thì không còn khả năng đóng nên kêu bớt lãi xuống còn 5% và cộng tiền vốn, lãi nên thiếu tổng cộng là 50.000.000 đồng. Đến năm 2022 thì hỏi thêm 10.000.000 đồng có làm biên nhận cho bà S2. Bà xác định đã đóng lãi nhiều nên xin yêu cầu bớt lại và trả từng lần.

* Tại đơn trình bày ý kiến ngày 04/4/2025, ông Dương Văn N trình bày: Ông không liên quan đến việc bà Dương Thị L mở các đây hạn và cũng không trực tiếp đi gom hạn, ông cũng không đi gom hạn của bà Đoàn Hồng S2 và ông Trần Vi S1 nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà S2, ông S1.

* Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân

sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 16, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hội, họ, biên, phường; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S2 và ông S1, buộc bà Dương Thị L, ông Dương Văn N trả cho bà Đoàn Hồng S2, ông Trần Vi S1 số tiền vay và tiền hội còn nợ là 121.000.000 đồng. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đoàn Hồng S2 và ông Trần Vi S1 khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị L, Dương Văn N trả lại tiền vay và tiền hội còn thiếu được xác định là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và tiền hội nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Dương Văn N vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung: Bà Dương Thị L xác định vào ngày 20/07/2020 (âm lịch), bà L có tham gia chơi hội do bà Đoàn Hồng S2 và ông Trần Vi S1 làm chủ, loại hội 1.000.000 đồng, bà L tham gia 02 chung, hội đã mãn và đã đóng hội xong nên bà L không đồng ý trả theo yêu cầu của bà S2, ông S1. Bà S2, ông S1 xác định sau khi hết hội thì bà L đóng đến tháng 8/2022 (âm lịch), từ tháng 9/2022 (âm lịch) đến khi mãn hội là 04 tháng với số tiền 8.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà S2 và ông S1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà L còn thiếu tiền hội do bà S2, ông S1 làm chủ. Do đó, yêu cầu này của bà S2, ông S1 là không có cơ sở được chấp nhận.

Đối với hội do bà Dương Thị L là chủ, bà L thừa nhận bà S2 có tham gia hội do bà L làm chủ, loại hội 4.000.000 đồng/tháng, đóng hàng tháng, bà S2 đã đóng được 15 lần, bằng số tiền là 58.000.000 đồng mỗi chung. Lời trình bày của bà L phù hợp với giấy hội và lời trình bày của bà S2, ông S1 tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định, bà L là chủ hội, bà S2, ông S1 có tham gia đây hội mở ngày 29/11/2019 âm lịch, đã đóng được 15 lần thì đình hội và bà L chưa trả tiền hội 15 lần cho bà S2, S1. Bà L cho rằng do hội kêu cao và có hội viên không đóng nên bà L yêu cầu được trả lại bằng số tiền hội đã đóng (hội sống), bà S2 và ông S1 không

đồng ý. Xét thấy, việc đình hui do bà L thực hiện, sau khi chốt hui thì bà L là chủ hui không thỏa thuận cụ thể việc trả tiền hui với hui viên, mặt khác đối với hui viên đã hốt hui bà L đã trừ căn với nhau tính bằng hui chết, đối với hui viên đã hốt còn lại không trả tiền hui thì bà L có quyền khởi kiện để đòi, vì vậy, bà L phải có trách nhiệm trả lại cho hui viên chưa nhận lại tiền hui theo số tiền thỏa thuận của dây hui, từ đó, bà S2 và ông S1 yêu cầu bà L trả lại tiền hui tính theo hui chết là có căn cứ chấp nhận.

Đối với số tiền vay 60.000.000 đồng, bà L thừa nhận vào ngày 10/9/2022 (âm lịch) có làm biên nhận nợ cho bà S2 nhưng đã đóng lãi cho bà S2 nhiều nên yêu cầu giảm bớt nhưng bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đã đóng lãi nên lời trình bày của bà L là không có cơ sở. Từ đó có cơ sở xác định việc vay tiền giữa bà L với bà S2, ông S1 là thực tế có xảy ra. Tại phiên tòa, bà S2 và ông S1 đồng ý cho bà L và ông N số tiền 5.000.000 đồng, chỉ yêu cầu trả số tiền 55.000.000 đồng nên được ghi nhận.

Ông Dương Văn N cho rằng không liên quan đến việc nợ hui và tiền vay của bà Dương Thị L với bà Đoàn Hồng S2, ông Trần Vi S1. Tuy nhiên, nợ phát sinh trong thời kì hôn nhân của bà L và N nên ông N phải có nghĩa vụ liên đới với bà L thanh toán số tiền hui còn nợ cho bà S2, ông S1.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đoàn Hồng S2, ông Trần Vi S1 về việc yêu cầu bà Dương Thị L, ông Dương Văn N trả tiền vay và tiền hui còn nợ, buộc ông Dương Văn N và bà Dương Thị L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Đoàn Hồng S2, ông Trần Vi S1 số tiền vay và tiền hui còn thiếu là 113.000.000 (Một trăm mười ba triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Hồng S2 và ông Trần Vi S1 về việc yêu cầu bà Dương Thị L và ông Dương Văn N trả số tiền hui 8.000.000 (Tám triệu) đồng.

[3] Về án phí: Ông Trần Vi S1 và bà Đoàn Hồng S2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với yêu cầu không được chấp nhận là 400.000 đồng, ông S1 thuộc trường hợp được miễn nên không phải chịu, bà S2 phải chịu 200.000 đồng; Ngày 25 tháng 12 năm 2024, bà S2 đã dự nộp số tiền 3.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006896 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ, bà S2 được nhận lại 3.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Dương Thị L, ông

Dương Văn N được miễn án phí do thuộc trường hợp được miễn và có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm bà Đoàn Hồng S2, ông Trần Vi S1, bà Dương Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Dương Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 244, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phurong; Điều 12 Nghị, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đoàn Hồng S2, ông Trần Vi S1 về việc yêu cầu bà Dương Thị L, ông Dương Văn N trả tiền vay và tiền hội còn nợ, buộc ông Dương Văn N và bà Dương Thị L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Đoàn Hồng S2, ông Trần Vi S1 số tiền vay và tiền hội còn thiếu là 113.000.000 (Một trăm mười ba triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Hồng S2, ông Trần Vi S1 về việc yêu cầu bà Dương Thị L và ông Dương Văn N trả số tiền hội 8.000.000 (Tám triệu) đồng.

Về án phí: Ông Trần Vi S1 và bà Đoàn Hồng S2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với yêu cầu không được chấp nhận là 400.000 đồng, ông S1 thuộc trường hợp được miễn nên không phải chịu, bà S2 phải chịu 200.000 đồng; Ngày 25 tháng 12 năm 2024, bà S2 đã dự nộp số tiền 3.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006896 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ, bà S2 được nhận lại 3.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Dương Thị L, ông Dương Văn N được miễn án phí do thuộc trường hợp được miễn và có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp.

Bản án sơ thẩm bà Đoàn Hồng S2, ông Trần Vi S1, bà Dương Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Dương Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nghi

